

Số: 2012 /BVĐHYD-KHĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2024

DANH SÁCH
Người thực hành khám bệnh, chữa bệnh

Kính gửi: Bộ Y tế

- Tên cơ sở hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh: Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Thời gian đăng ký thực hành tại cơ sở thực hành (từ ngày - đến ngày)
1.	Nguyễn Thị Yến Nhi	11/11/2001	01/06/2024 – 01/12/2024
2.	Đỗ Ngọc Nam Phương	06/10/2000	01/06/2024 – 01/12/2024
3.	Huỳnh Gia Phú	03/08/2001	01/06/2024 – 01/12/2024
4.	Nguyễn Lê Thái Dương	30/11/2001	01/06/2024 – 01/12/2024
5.	Phạm Kim Ngân	01/02/2001	01/06/2024 – 01/12/2024
6.	Bùi Trang Ngọc Uyên Thư	27/08/2001	01/06/2024 – 01/12/2024
7.	Dương Thị Mỹ Trinh	20/10/1999	01/06/2024 – 01/12/2024
8.	Hoàng Văn Thịnh	07/01/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
9.	Đỗ Thị Phương Thảo	11/10/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
10.	Lê Thị Yến Nhi	27/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
11.	Nguyễn Diệu Linh	07/10/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
12.	Phùng Kỳ Ân	11/06/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
13.	Trần Thị Vân Hậu	18/12/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
14.	Võ Thị Thanh Ngân	12/10/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
15.	Hồ Thủy Uyên Linh	04/04/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
16.	Đặng Thị Bích Hào	05/12/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
17.	Hồ Hữu Lộc	29/04/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
18.	Hồ Thị Ngọc Mai	05/05/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
19.	Huỳnh Thị Cẩm Tú	25/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
20.	Lê Thị Yến Ngọc	01/11/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
21.	Lê Trung Kết	20/10/2000	01/06/2024 – 30/11/2024
22.	Nguyễn Đoàn Anh Thư	28/09/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
23.	Nguyễn Khánh Linh	30/03/2001	01/06/2024 – 30/11/2024



20

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Thời gian đăng ký thực hành tại cơ sở thực hành (từ ngày - đến ngày)
24.	Phạm Thị Như Quỳnh	19/03/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
25.	Phạm Ý Thiên	28/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
26.	Tổng Hoàng Minh Tú	29/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
27.	Trần Nguyễn Huỳnh Phương	04/10/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
28.	Trần Thị Thanh Tuyền	23/10/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
29.	Trần Thị Thu Thủy	24/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
30.	Võ Song Thy	14/12/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
31.	Nguyễn Thị Thùy Lan	25/05/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
32.	Trần Thị Thanh Thúy	02/09/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
33.	Trần Thị Thu Thảo	21/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
34.	Nguyễn Ngọc Thanh Duyên	22/10/2000	01/06/2024 – 30/11/2024
35.	Nguyễn Thị Thanh Nhân	26/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
36.	Nguyễn Thị Thảo Quyên	15/03/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
37.	Danh Ngọc Nga	01/02/2000	01/06/2024 – 30/11/2024
38.	Ngô Thị Kim Oanh	24/04/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
39.	Nguyễn Thị Thảo Ngân	15/10/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
40.	Trần Thị Thảo Duy	14/11/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
41.	Lê Thị Yến Nhi	02/03/1995	01/06/2024 – 30/11/2024
42.	Nguyễn Thanh Tuyền	02/06/1993	01/06/2024 – 30/11/2024
43.	Phạm Thị Tiếp Duy	18/04/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
44.	Đinh Lê Nhật Thanh	01/09/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
45.	Đoàn Thị Phương Thảo	09/07/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
46.	Lê Phúc Tài	27/12/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
47.	Nguyễn Thị Huỳnh Như	01/03/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
48.	Nguyễn Anh Kiệt	23/09/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
49.	Văn Phú Quốc	04/09/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
50.	Đoàn Ngọc Thanh Xuân	03/01/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
51.	Lý Ngọc Phương Trinh	25/03/1997	01/06/2024 – 30/11/2024
52.	Nguyễn Thị Yến Nhi	30/07/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
53.	Phùng Linh Chi	14/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
54.	Trần Thị Yến Nhi	23/02/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
55.	Doãn Thị Hồng Diệu	14/09/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
56.	Nguyễn Thị Thùy Trinh	14/09/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
57.	Phan Khánh Duy	07/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
58.	Ka' Thìn	17/05/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
59.	Trần Thị Diệu Ái	22/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
60.	Lê Thị Minh Anh	24/01/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
61.	Nguyễn Kim Hoàng Lam	12/01/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
62.	Nguyễn Thị Huyền Trang	20/06/2000	01/06/2024 – 30/11/2024

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Thời gian đăng ký thực hành tại cơ sở thực hành (từ ngày - đến ngày)
63.	Trương Thị Dinh Dưỡng	20/10/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
64.	Nguyễn Thị Hợp	09/12/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
65.	Dương Thị Thúy Loan	01/06/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
66.	Phạm Phú Xuân	14/05/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
67.	Phạm Thị Kiều Nga	17/01/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
68.	Dương Thị Kim Hiếu	28/12/2000	01/06/2024 – 30/11/2024
69.	Dương Yên Nhi	04/08/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
70.	Nguyễn Viên Ngọc	12/03/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
71.	Phan Phương Uyên	16/12/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
72.	Cao Triệu Vy	14/11/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
73.	Nguyễn Thị Kim Yến	27/09/2001	01/06/2024 – 30/11/2024
74.	Nguyễn Thị Trang	12/04/1992	01/06/2024 – 30/11/2024
75.	Nguyễn Lê Linh Giang	23/04/1986	01/06/2024 – 30/11/2024
76.	Dương Phúc Thiên Trang	20/02/1999	01/06/2024 – 30/11/2024
77.	Huỳnh Thị Kim Dung	19/07/1993	01/06/2024 – 30/11/2024

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để báo cáo);
- Lưu: VT, KHĐT (J06-124-tpan) (2).



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Bắc

Ưu